TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **83**/2026/DS-ST
Ngày: 29-5-2026
V/v tranh chấp về hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Nhàn

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Phạm Văn Phố

2/ Bà Nguyễn Thị Lưu Ly

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thùy Vân – Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 3 - Thành phố Hồ Chí Minh

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Khu vực 3 - Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Hạnh – Kiểm sát viên

Ngày 29 tháng 5 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 3 - Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 1220/2025/TLST- DS ngày 29 tháng 10 năm 2025 về việc "Tranh chấp về hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 96/2026/QĐXXST- DS ngày 02 tháng 4 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 108/2026/QĐST-DS ngày 06 tháng 5 năm 2026 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Công ty Tài chính Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên M.

Địa chỉ trụ sở: 91 đường P, phường S, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là: Công ty Luật Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên T; địa chỉ: 793/49/1 đường X, phường H, Thành phố Hồ Chí Minh (theo văn bản ủy quyền số 22/2025/GUQ-MAFC ngày 17/4/2025).

Người được ủy quyền lại là chị Lâm Thị Thùy D, sinh năm: 2000

Địa chỉ liên hệ: 793/49/1 đường X, phường H, Thành phố Hồ Chí Minh (theo văn bản ủy quyền ngày 01/9/2025) (có đơn xin xét xử vắng mặt).

- *Bị đơn*: Ông Nguyễn Thành P, sinh năm: 1987

Địa chỉ: 1012 đường G, phường L, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 30/9/2025 và bản tự khai Công ty Tài chính Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên M (sau đây viết là Công ty M) do chị Lâm Thị Thùy D là người đại diện hợp pháp trình bày:

Ngày 02/8/2023, Công ty M và ông Nguyễn Thành P có ký Đơn đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng số 4806979 (gọi tắt là hợp đồng tín dụng). Theo hợp đồng tín dụng thì Công ty M cho ông P vay số tiền 99.945.600 đồng (bao gồm khoản vay là 92.800.000 đồng và phí bảo hiểm là 7.145.600 đồng), thời hạn vay 36 tháng kể từ ngày tiếp theo ngày giải ngân đến ngày 10/8/2026, lãi suất cho vay trong hạn là 3.83%/tháng (46.00%/năm, một năm là 365 ngày), lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn, lãi chậm trả là 10%/năm. Ngày 03/8/2023, Công ty M đã giải ngân số tiền vay là: 92.800.000 đồng qua tài khoản số 060062290555 mở tại Ngân hàng S và 7.145.600 đồng tiền bảo hiểm khoản vay.

Kể từ ngày giải ngân thì ông P đã thanh toán cho Công ty M được 16 kỳ với số tiền là 88.504.194 đồng (Trong đó: gốc đã trả là: 27.697.379 đồng; lãi đã trả: 60.421.193 đồng, phí thu hộ đã trả: 192.000 đồng). Từ ngày 04/01/2025 đến nay thì ông P ngưng không thanh toán cho Công ty M. Từ ngày 10/01/2025 Công ty bắt đầu tính nợ quá hạn đối với từng kỳ thanh toán mà bị đơn vi phạm

Tính đến ngày 29/5/2026, ông P còn nợ Công ty M như sau: nợ gốc là 72.248.221 đồng, tiền lãi trong hạn là 27.453.634 đồng, tiền lãi quá hạn là 25.537.946 đồng, tiền lãi chậm trả lãi là 2.600.349 đồng. Tổng số tiền ông P còn nợ Công ty M tạm tính đến ngày 29/5/2026 là 127.840.150 đồng (Một trăm hai mươi bảy triệu tám trăm bốn mươi nghìn một trăm năm mươi đồng).

Công ty M khởi kiện yêu cầu ông Nguyễn Thành P thanh toán cho Công ty M tổng số tiền nợ gốc và lãi tạm tính đến ngày 29/5/2026 là 127.840.150 đồng (Một trăm hai mươi bảy triệu tám trăm bốn mươi nghìn một trăm năm mươi đồng) làm một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Ông Nguyễn Thành P tiếp tục trả lãi phát sinh kể từ ngày 30/5/2026 cho đến khi thanh toán hết nợ.

- Bị đơn ông Nguyễn Thành P vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án nên không ghi nhận được ý kiến của ông P.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 3 – Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán và của Hội đồng xét xử kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án đã đảm bảo các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70,71 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn chưa thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định Điều 70, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự. Việc đưa vụ án ra xét xử đúng theo quy định của pháp luật.

- Về nội dung giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng và thẩm quyền giải quyết:

Công ty M khởi kiện yêu cầu ông Nguyễn Thành P phải thanh toán tiền gốc và tiền lãi phát sinh đối với khoản vay theo Đơn đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng số 4806979 ngày đề nghị vay 02/8/2023. Đây là tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 3- Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2025.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn là chị Lâm Thị Thùy D có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Bị đơn là ông Nguyễn Thành P vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do. Vì vậy, căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về nghĩa vụ chứng minh: Quá trình tố tụng Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bị đơn nhưng bị đơn vắng mặt, không có ý kiến trình bày về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không cung cấp tài liệu, chứng cứ cho Tòa án. Căn cứ quy định tại khoản 4 Điều 91 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì bị đơn tự từ bỏ quyền được chứng minh của mình nên phải chịu hậu quả của việc không chứng minh. Tòa án sẽ giải quyết vụ án theo chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Căn cứ Đơn đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng số 4806979 ngày 02/8/2023 và các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án có cơ sở xác định ông P đã vay của Công ty M số tiền là 99.945.600 đồng. Thời hạn vay là 36 tháng, lãi suất hàng tháng là 3.83%. Ông P có nghĩa vụ thanh toán tiền vốn và tiền lãi vào ngày 10 dương lịch hàng tháng trong kỳ hạn 36 tháng kể từ ngày tiếp theo ngày giải ngân đến ngày 10/8/2026.

Căn cứ vào Báo cáo lịch sử thanh toán hợp đồng tín dụng do Công ty M cung cấp thì ông P chỉ mới thanh toán được 16 kỳ từ ngày 08/9/2023 đến ngày 03/01/2025 với tổng số tiền vốn và tiền lãi là: 88.504.194 đồng. Căn cứ vào bảng tính lãi đến ngày 29/5/2026 do Công ty M cung cấp thì ông P hiện còn nợ tiền vốn là 72.248.221 đồng, tiền lãi trong hạn là 27.453.634 đồng, tiền lãi quá hạn là 25.537.946 đồng, tiền lãi chậm trả lãi là 2.600.349 đồng. Tổng số tiền ông P còn nợ Công ty M tạm tính đến ngày 29/5/2026 là: 127.840.150 đồng (Một trăm hai mươi bảy triệu tám trăm bốn mươi nghìn một trăm năm mươi đồng)

Nay Công ty M yêu cầu ông Nguyễn Thành P phải thanh toán số tiền vốn vay và tiền lãi còn thiếu tạm tính đến ngày 29/5/2026 là 127.840.150 đồng (Một trăm hai mươi bảy triệu tám trăm bốn mươi nghìn một trăm năm mươi đồng) là hoàn toàn có cơ sở chấp nhận.

Vì vậy, Hội đồng xét xử buộc ông Nguyễn Thành P thanh toán cho Công ty M số tiền vốn và tiền lãi tạm tính đến ngày 29/5/2026 là 127.840.150 đồng (Một trăm hai mươi bảy triệu tám trăm bốn mươi nghìn một trăm năm mươi đồng) kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất sẽ được tiếp tục điều chỉnh tại giai đoạn thi hành án.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Nguyễn Thành P phải nộp án phí trên số tiền phải trả cho Công ty M là: 6.392.007 đồng (Sáu triệu ba trăm chín mươi hai nghìn không trăm lẻ bảy đồng).

Công ty M không phải nộp án phí, trả lại cho Công ty M số tiền tạm ứng án phí đã nộp là: 2.440.232 đồng (Hai triệu bốn trăm bốn mươi nghìn hai trăm ba mươi hai đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 91, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2025; Điều 463, Điều 466 Bộ luật dân sự 2015; Điều 91 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010; Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 quy định về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đối với khách hàng; Căn cứ Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao Hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Điều 26 Luật Thi hành án dân sự.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty Tài chính Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên M.

1. Buộc ông Nguyễn Thành P thanh toán cho Công ty Tài chính Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên M số tiền vốn và tiền lãi của khoản vay theo đơn đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng số 4806979 ngày đề nghị vay 02/8/2023 với tổng số tiền tạm tính đến ngày 29/5/2026 là 127.840.150 đồng (Một trăm hai mươi bảy triệu tám trăm bốn mươi nghìn một trăm năm mươi đồng) trong đó, tiền vốn là: 72.248.221 đồng, tiền lãi trong hạn là 27.453.634 đồng, tiền lãi quá hạn là 25.537.946 đồng, tiền lãi chậm trả lãi là 2.600.349 đồng.

- Thời hạn thanh toán: thanh toán kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về điều chỉnh

lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất sẽ được tiếp tục điều chỉnh tại giai đoạn thi hành án.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Ông Nguyễn Thành P phải nộp án phí là 6.392.007 đồng (Sáu triệu ba trăm chín mươi hai nghìn không trăm lẻ bảy đồng)

- Công ty Tài chính Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên M không phải nộp án phí, trả lại cho Công ty Tài chính Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên M số tiền tạm ứng án phí đã nộp là: 2.440.232 đồng (Hai triệu bốn trăm bốn mươi nghìn hai trăm ba mươi hai đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí ký hiệu: BLTU/25E số 0032325 ngày 29 tháng 10 năm 2025 của Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

5. Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện yêu cầu thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7, 7a,7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND Khu vực 3 - TP.HCM;
- Phòng THA dân sự Khu vực 3 - TP.HCM;
- Thi hành án dân sự TP.HCM;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TAND KHU VỰC 3

NTY290526.TL.QDBA
4862

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Thanh Nhàn